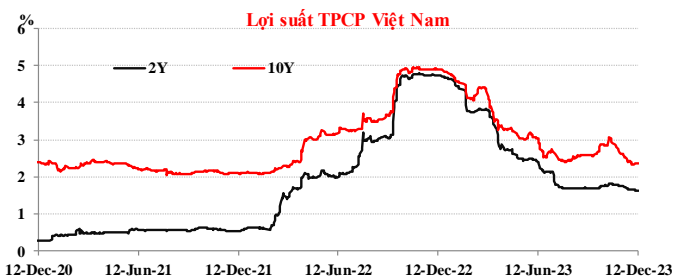

Lãi suất LNH
Trái phiếu

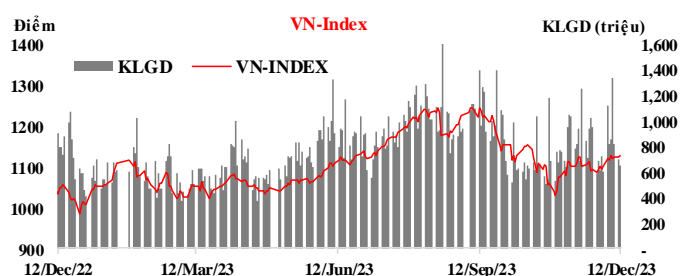
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu			
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D	
ON	0.20	0.00	5.04	-0.02	3Y	1.62	0.000	
1W	0.32	-0.01	5.16	-0.01	5Y	1.60	-0.017	
2W	0.57	-0.01	5.26	0.01	7Y	2.14	0.000	
1M	1.20	0.15	5.36	0.01	10Y	2.34	-0.006	
2M	2.85	0.05	5.46	0.02	15Y	2.55	0.000	
3M	3.23	-0.02	5.55	0.01				
6M	4.62	-0.06	5.64	0.01				
9M	5.38	-0.17	5.72	-0.01				
1Y	5.94	-0.11	5.79	-0.02				


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 12/12/2023

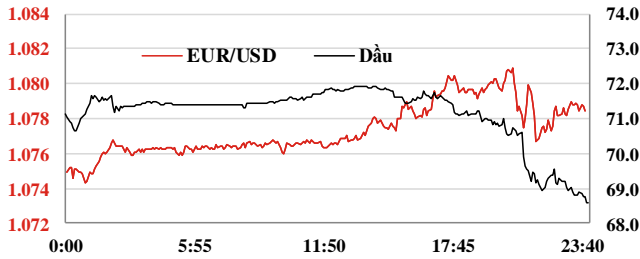
Đơn vị: Tỷ đ	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng					

Chứng khoán ngày 12/12/2023

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1127.63	231.71	85.35
%/ngày	0.19%	0.15%	-0.15%
%/30/12/2022	11.97%	12.9%	19.1%
KLGD (tr.đ.vị)	645.62	74.25	23.2
GTGD (tỷ đ)	13978.23	1403.29	310.72
NDINN mua (tỷ đ)	1044.38	49.25	22.83
NDINN bán (tỷ đ)	1351.98	8.02	13.93


Tin trong nước ngày 12/12

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 12/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.941 VND/USD, tăng trở lại 09 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.088 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.263 VND/USD, tăng tiếp 13 đồng so với phiên 11/12. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.670 VND/USD và 24.770 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 12/12, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W, tăng 0,15 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 0,20%; 1W 0,32%; 2W 0,57% và 1M 1,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M; giao dịch tại: ON 5,04%; 1W 5,16%; 2W 5,26%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 7Y và 10Y trong khi không thay đổi ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,62%; 5Y 1,60%; 7Y 2,14%; 10Y 2,34%; 15Y 2,55%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên hôm qua trầm lắng khi chờ đợi các thông tin quan trọng được công bố trong vài ngày tới. Chốt phiên, VN-Index tăng 2,13 điểm (+0,19%) lên mức 1.127,63 điểm; HNX-Index thêm 0,34 điểm (+0,15%) đạt 231,71 điểm; UPCoM-Index giảm 0,13 điểm (-0,15%) xuống 85,35 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm với giá trị giao dịch gần 15.700 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng 258 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo số liệu Tổng cục Hải quan mới công bố,** tháng 11/2023, cán cân thương mại hàng hóa cả nước thặng dư 1,54 tỷ USD, lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 11, CCTM thặng dư 25,86 tỷ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tháng 11 đạt 31,12 tỷ USD, giảm 3,5% so với tháng trước đó, lũy kế 11 tháng đạt 322,61 tỷ, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2022. Kim ngạch nhập khẩu tháng 11 đạt 29,58 tỷ USD, tăng 0,2% m/m; 11 tháng đầu năm đạt 296,75 tỷ USD, giảm 10,7%. Tổng kim ngạch XNK hàng hóa 11 tháng 2023 đạt 619,36 tỷ USD, giảm 8,07% so với cùng kỳ năm 2022.



	12 Dec 23	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.87	-0.22%	-0.18%	0.33%
USD/CNY	7.18	0.00%	0.41%	4.03%
USD/EUR	0.93	-0.29%	0.03%	-0.83%
USD/JPY	145.43	-0.50%	-1.17%	10.92%
USD/KRW	1310.90	-0.41%	-0.20%	3.96%
USD/SGD	1.34	-0.16%	0.01%	0.11%
USD/TWD	31.48	0.08%	-0.10%	2.96%
USD/THB	35.68	-0.14%	1.33%	3.09%
USD/VND Trung tâm	23941	0.04%	0.06%	1.39%
USD/VND LNH	24263	0.05%	-0.02%	3.05%
USD/VND tự do	24722	0.13%	0.40%	4.32%
Vàng	1979.44	-0.09%	-1.98%	8.50%
Dầu WTI	68.61	-3.80%	-5.13%	-14.52%

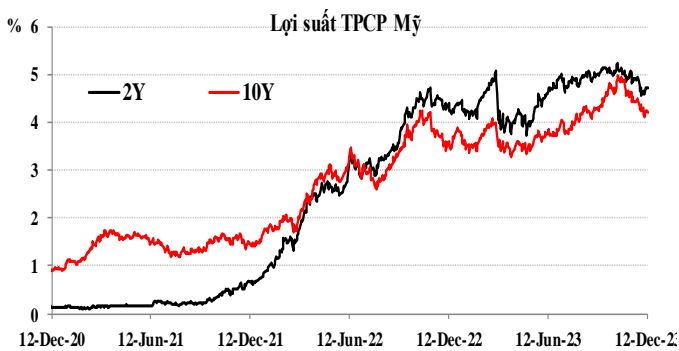
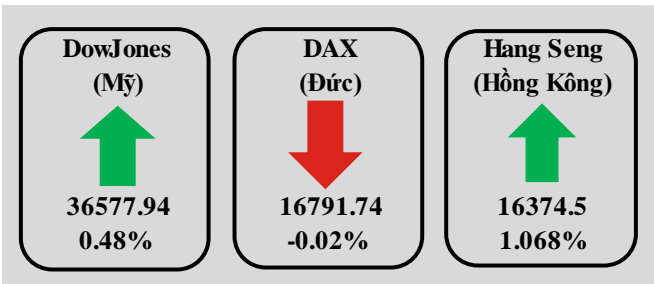
Tin quốc tế

■ **Mỹ ghi nhận thông tin về lạm phát trước thềm cuộc họp của Fed.** Cơ quan Thống kê Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi tại nước này tăng 0,3% m/m trong tháng 11, nối tiếp đà tăng 0,2% của tháng 10 và khớp với dự báo. CPI toàn phần tại Mỹ trong tháng vừa qua cũng tăng nhẹ 0,1% m/m, trái với dự báo tiếp tục đi ngang (0,0% m/m) như kết quả của tháng 10. Các con số chi tiết về giá lương thực, giá năng lượng và giá nhà ở đều không cho thấy dấu hiệu đột biến nào trong tháng vừa qua. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2022, CPI lõi tại Mỹ tăng 4,0% y/y, không đổi so với mức tăng của tháng 10; và CPI toàn phần tăng 3,1% y/y, hạ nhiệt nhẹ so với mức tăng 3,2% của tháng 10. Sau khi thông tin về CPI được công bố, công cụ dự báo của CME cho thấy 97% khả năng Fed sẽ không thay đổi LSCS trong cuộc họp ngày cuối năm, và chỉ có 3% khả năng tăng nhẹ LSCS 25 đcb. Thị trường chờ đợi kết quả cuộc họp của Fed, sẽ được công bố vào sáng sớm ngày mai 14/12 theo giờ Việt Nam.

■ **Thị trường lao động nước Anh ghi nhận một số thông tin quan trọng.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại nước này tăng 16 nghìn đơn trong tháng 11, cao hơn mức 8,9 nghìn của tháng trước đó và thấp hơn mức tăng 20,3 nghìn theo dự báo. Tiếp theo trong tháng 10, tỷ lệ thất nghiệp Anh ở mức 4,2%, bằng với số này của tháng 9 và khớp với con số dự báo. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân của người lao động Anh tăng 7,2% 3m/y trong 3 tháng 08-09-10/2023, thấp hơn so với mức tăng 8% ở 3 tháng 07-08-09/2023, đồng thời thấp hơn với mức tăng 7,7% theo kỳ vọng. Một số chuyên gia nhận định thị trường lao động tại Anh đang có dấu hiệu bớt thắt chặt hơn, là cơ sở để NHTW Anh BOE giữ LSCS đi ngang ở mức 5,25% trong cuộc họp cuối năm ngày 14/12.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
12-12	5:20	***	Phát biểu của Chủ tịch RBA Michele Bullock			
12-12	14:00	***	Thay đổi trợ cấp thất nghiệp tại Anh	16K	20.3K	17.8K
12-12	20:30	***	CPI Mỹ mm T11	0.1	0.0	0.0
12-12	20:30	***	CPI lõi Mỹ mm T11	0.3	0.3	0.2
12-12	20:30	***	CPI Mỹ yy T11	3.1	3.1	3.2
13-12	14:00	***	GDP Anh mm T10		-0.1	0.2
13-12	20:30	***	PPI lõi Mỹ mm T3		0.2	0.0
13-12	20:30	***	PPI Mỹ mm T3		0.0	-0.5



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/07/2023	13/12/2023
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/09/2023	14/12/2023
Anh	GBP	5,25%	5,25%	03/08/2023	14/12/2023
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	19/12/2023
Australia	AUD	3,85%	4,10%	06/06/2023	06/02/2024

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index tăng nhẹ, đóng cửa tại 1.127,63 điểm. Thị trường có phiên dao động biên độ hẹp thứ 3 liên tiếp, thanh khoản tiếp tục sụt xuống ở mức thấp với chỉ 700 triệu cổ phiếu được giao dịch. VN-Index đang cho thấy quá trình siết chặt hơn, tạo nền giá trong ngắn hạn. Có thể thị trường sẽ có sự bùng nổ khối lượng giao dịch, vượt qua ngưỡng kháng cự 1130 điểm trong những phiên sắp tới.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn